

Môn học

QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

GIẢNG VIÊN: TS. TÙ THÚY ANH

cuu duong than cong. com

- Là môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành
- Kết cấu môn học bao gồm 8 chương, 60 tiết

cuu duong than cong. com

Ch- ơng 1: Tổng quan về quan hệ kinh tế quốc tế

Ch- ơng 2: Th- ơng mại quốc tế

Ch- ơng 3: Th- ơng mại dịch vụ

Ch- ơng 4: Chính sách th- ơng mại quốc tế

Ch- ơng 5: Di chuyển quốc tế về hàng hoá sức lao động

Ch- ơng 6: Đầu t- ư quốc tế

Ch- ơng 7: Quan hệ quốc tế về khoa học và công nghệ

Ch- ơng 8: Phân công lao động quốc tế và liên kết kinh tế quốc tế

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

I. Một số khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học:

1. Một số khái niệm

- Quan hệ kinh tế đối ngoại
- Quan hệ kinh tế quốc tế

2. Đối tượng nghiên cứu của môn học:

a. Chủ thể của QHKTQT:

- Các quốc gia, các nền kinh tế, các vùng lãnh thổ
- Các liên kết kinh tế quốc tế
- Các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế
- Các tổ chức của Liên hiệp quốc
- Các công ty, tập đoàn, hãng, xí nghiệp,...



WORLD TRADE
ORGANIZATION



b. Khách thể của QHKTQT

- Th- ơng mại quốc tế về hàng hoá
- Th- ơng mại quốc tế về hàng hoá
- Đầu t- quốc tế
- Di chuyển quốc tế về hàng hoá sức lao động
- QHQT về khoa học và công nghệ
- Di chuyển quốc tế về tiền tệ

3. Phương pháp nghiên cứu của môn học:

- Kết hợp các kiến thức cơ bản đã đ- ọc học ở các môn học tr- ớc
- Kết hợp lý luận và thực tiễn

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

II. Những chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của các nước trên thế giới:

Hai loại hình chiến lược

- Chiến lược đóng cửa nền kinh tế
- Chiến lược mở cửa nền kinh tế

cuu duong than cong. com

1. Chiến lược đóng cửa nền kinh tế

- *Nội dung:*

Các quốc gia hạn chế các mối quan hệ kinh tế đối ngoại với bên ngoài, phát triển kinh tế bằng nội lực là chính, thực hiện việc tự cung, tự cấp bằng những nguồn lực trong nước.

cuuduongthancong.com

- *Mục đích:*

- *Ưu điểm*

- *Nhược điểm*

cuuduongthancong.com

2. Chiến l- ọc mở cửa nền kinh tế:

- *Nội dung*

Các n- ớc thực hiện việc mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại với bên ngoài, trọng tâm là hoạt động ngoại th- ơng, trong đó chú trọng hàng đầu là đẩy mạnh xuất khẩu, tăng c- ờng thu hút và sử dụng vốn, công nghệ bên ngoài để khai thác có hiệu quả các nguồn lực trong n- ớc.

- *Ưu điểm*

- *Nh- ược điểm*

3. Việc lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của các nước trên thế giới hiện nay:

- Đối với các nước trên thế giới

Mở cửa nền kinh tế là sự lựa chọn tất yếu của các nước trên thế giới hiện nay nếu muốn tồn tại phát triển, không bị tụt hậu về kinh tế so với các nước khác.

cuu duong than cong. com

- Đối với Việt nam:

Việt nam thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại độc lập, tự chủ và rộng mở, đa ph- ơng hoá, đa dạng hoá các mối quan hệ kinh tế đối ngoại, với tinh thần: Việt nam sẵn sàng làm bạn với tất cả các n- ớc trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển, trên các nguyên tắc:

- + Tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau
- + Bình đẳng cùng có lợi
- + Giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia bằng con đ- ường th- ơng l- ợng.

III. Bối cảnh quốc tế của các quan hệ kinh tế quốc tế:

Đặc điểm 1:

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, xu thế chung của thế giới hiện nay là xu thế hoà hoãn, hoà dịu, chuyển từ đối đầu sang đối thoại. Tuy nhiên, **những xung đột quốc tế vẫn còn** và ảnh hưởng lớn đến tiến trình phát triển của kinh tế thế giới

• Nguyên nhân gì?

Đặc điểm 2

Cách mạng khoa học công nghệ ngày càng phát triển, với nội dung rộng lớn ngày càng tác động trực tiếp tới mọi mặt đời sống, kinh tế xã hội ở tất cả các n- ớc

cuu duong than cong. com

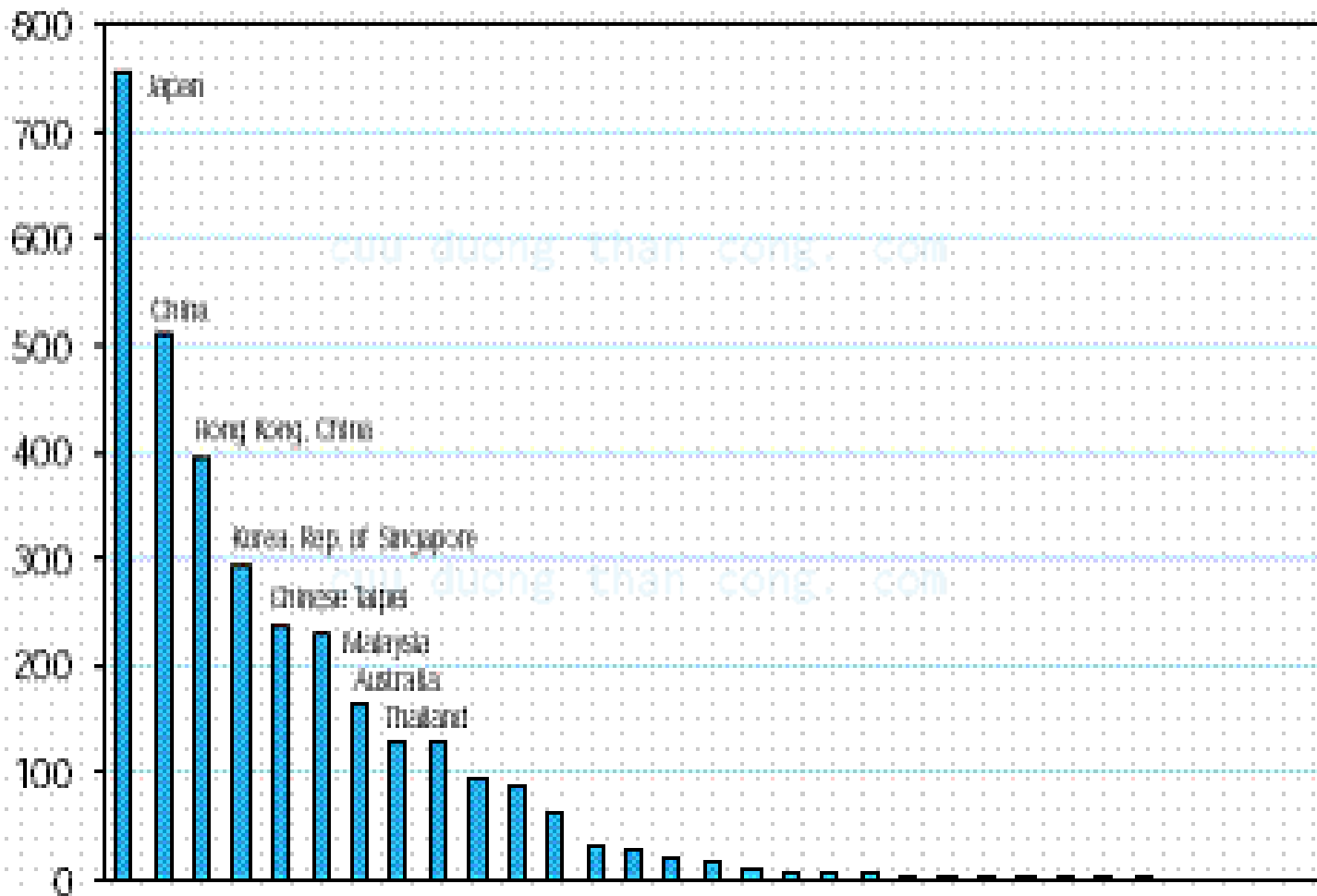
- Xuất hiện nền kinh tế tri thức

cuu duong than cong. com

Đặc điểm 3:

Trong nhiều thập kỷ gần đây, khu vực kinh tế Châu Á- Thái bình d- ơng đã nổi lên, trở thành khu vực có tốc độ tăng tr- ờng kinh tế nhanh nhất, năng động nhất thế giới.

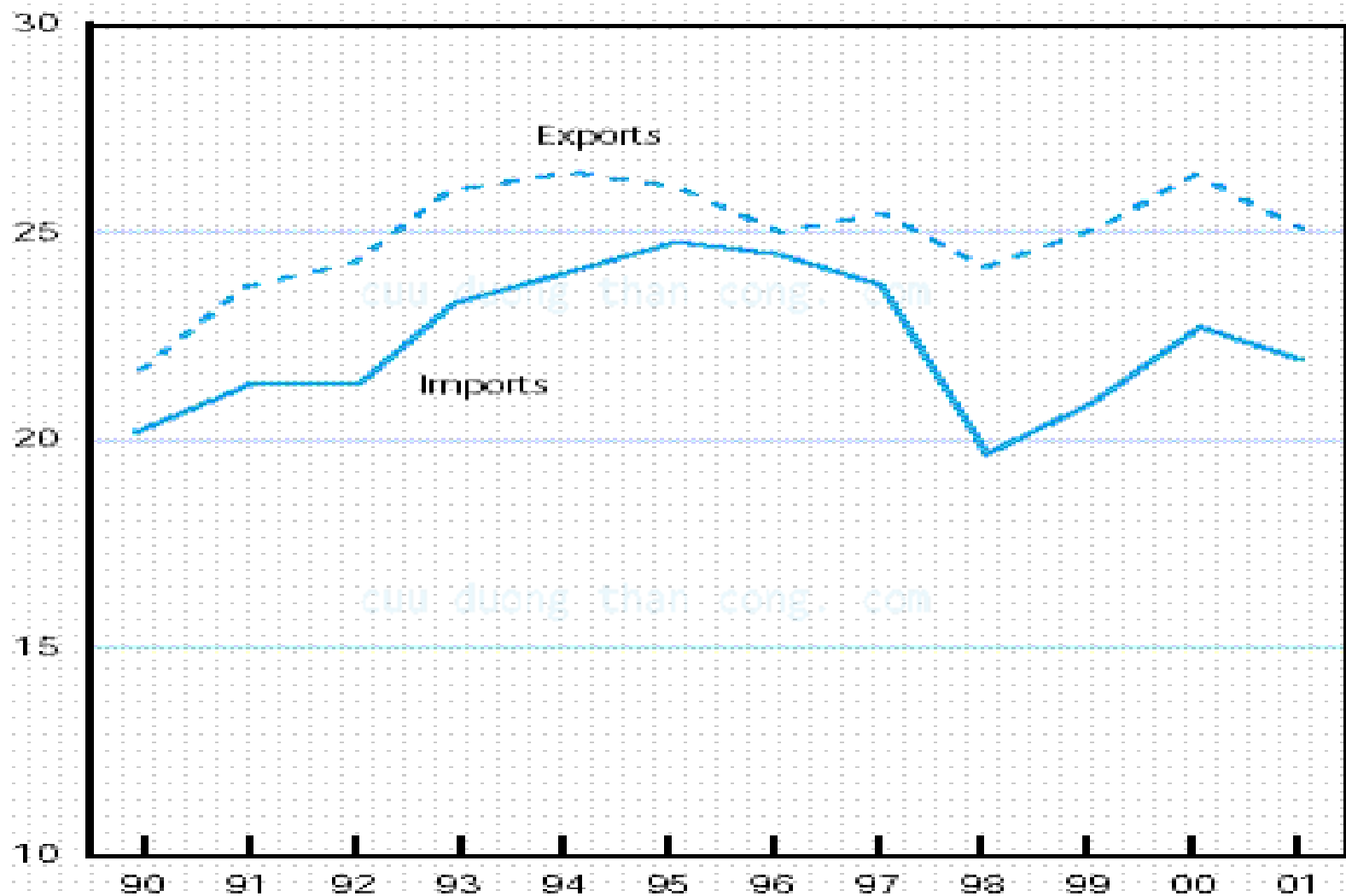
Merchandise trade of Asian countries, 2001
(Exports plus imports, billion dollars)



So v_i t_{ong} th_{ong} m_i to_{an} c_u

Share of Asia in world merchandise trade, 1990-01

(Percentage based on value data)



Đặc điểm 5:

WTO giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế thế giới

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

IV. Tổng quan về tổ chức thương mại thế giới

- Bối cảnh lịch sử
- Giới thiệu về GATT
- Sự ra đời của WTO
- Mục tiêu của WTO
- Sự khác nhau giữa GATT và WTO
- Chức năng hoạt động
- Cơ cấu tổ chức
- Thành viên của WTO

1. Bối cảnh lịch sử

- Thời vàng son của quốc tế hoá (1870-1914) bị thay thế bởi chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch thời kỳ giữa các cuộc chiến TG (1920-1939)
- Sự cần thiết phải tạo lập môi trường quốc tế mở hơn sau CTTG T2
 - Tránh những sai lầm của thời kỳ giữa các cuộc chiến
 - Th- ơng mại quốc tế là thiết yếu để phục hồi sau chiến tranh

Bretton-Woods: Giải pháp

Bốn trụ cột của nền kinh tế thế giới

- NHQT về tái thiết và phát triển (IBRD)
- Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)
- Tổ chức thương mại quốc tế (ITO)
- Quỹ bình ổn giá cả (PSF)

2. Giới thiệu về GATT

**Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch
(General agreement on Tariff and Trade)**

- GATT đ- ợc ký tại Geneva vào 30-10-1947 bởi 23 n- ớc và có hiệu lực chính thức từ ngày 1-1-1948
- ITO đ- ợc thành lập tại Havana (1948), ký kết bởi 53 thành viên
- ITO sụp đổ vào năm 1950
- Các vòng đàm phán trong khuôn khổ GATT vẫn tiếp tục hoạt động

Hoạt động của GATT

Năm	Tên vòng đàm phán	Nội dung	Số n- ớc tham gia
1947	Geneva	Thuế quan	23
1949	Annecy (Fr)	Thuế quan	13
1951	Torquay (UK)	Thuế quan	38
1956	Geneva	Thuế quan	26
1960 -1961	Geneva (Dillion Round)	Thuế quan	26
1964 -1967	Geneva (Kennedy Round)	Thuế quan và các biện pháp chống buôn phở giỏ (~35%).	62

Năm	Tên vòng đàm phán	Nội dung	Số n- ớc tham gia
1973 -1979	Geneva (Tokyo Round)	Thuế quan (~33%), phí thuế quan, các hiệp định khung	102
1986 -1994	Geneva (Uruguay Round)	Thuế quan (~33%), phí thuế quan, dịch vụ, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, nông nghiệp, hàng dệt may...	123
2001 -	Doha Round	Dịch vụ, nông nghiệp, hàng dệt may, nhấn mạnh các đãi ngộ đặc biệt dành cho các n- ớc đang phát triển	~ 150

—**Mục đích của GATT**

cuu duong than cong. com

—**Thành công của GATT**

cuu duong than cong. com

3. Sự ra đời của WTO

- Nhiều hình thức bảo hộ mới xuất hiện
- Sự phát triển và mở rộng các hoạt động thương mại gắn với đầu tư, dịch vụ, chuyển giao công nghệ
- Thương mại hàng nông sản và hàng dệt may chưa được đề cập trong GATT
- Thể chế và hệ thống giải quyết tranh chấp của GATT bị một số nước thành viên chỉ trích

Sự ra đời của WTO

- Tháng 12/1994, tại Vòng đàm phán Uruguay, ở Marrakesh (Marốc): Hiệp định thành lập WTO đã được ký kết
- 1-1-1995, WTO chính thức được ra đời.
- WTO là sự kế thừa của GATT nhưng chặt chẽ hơn, ràng buộc hơn, và mở rộng hơn

4. Mục tiêu của WTO

- Tự do hoá mậu dịch
- Tạo công ăn việc làm
- Bảo vệ môi trường và tăng cường ph- ơng tiện làm việc đồng bộ

cuu duong than cong. com

5. Sự khác nhau giữa GATT và WTO

- Về tính thể chế
- Về phạm vi điều chỉnh
- Về tính ràng buộc
- Về cơ chế giải quyết tranh chấp

Tranh chấp trong khuôn khổ WTO 1995-5/2003

- 282 vụ đệ đơn lên DSB
- 64 vụ giải quyết thông qua hoà giải hoặc tự bãi đơn
- 133 vụ đang trong quá trình hoà giải hoặc giải quyết
- chỉ có 4 vụ DSB cho phép áp dụng các biện pháp trừng phạt

Bốn vụ cho phép trừng phạt

- EU kiện về thuế có lợi cho ng- ời XK. Mức độ bồi th- ờng: USD 4,043 million. Thực hiện từ 3/ 2004.
- Trợ cấp hàng không: Canada kiện Braxin. (CAD 344 mil). Ch- a thực hiện.
- Chuối: Các n- ớc Mỹ Latin và Mỹ kiện châu âu về chính sách nhập khẩu của họ. (USD 393 mil). Sau đó lại đ- ợc đồng ý và đ- ợc rút lại
- Hormones: Mỹ và Canada kiện EU về chính sách cấm nhập khẩu sản phẩm thịt có hormones. (USD 125 mil). Có hiệu lực, nh- ng lai đ- ợc xem xét lại do châu âu thay đổi chính sách vào cuối năm 2003.

6. Chức năng hoạt động của WTO

- Hỗ trợ và giám sát việc thực hiện các Hiệp định về th- ơng mại quốc tế
- Thúc đẩy tự do hoá th- ơng mại và là diễn đàn cho các cuộc đàm phán th- ơng mại
- Giải quyết tranh chấp th- ơng mại giữa các n- ớc thành viên
- Rà soát chính sách th- ơng mại của các n- ớc thành viên
- Hợp tác với các Tổ chức quốc tế khác nhằm đi đến đ- ộc sự thống nhất lớn hơn trong quá trình hoạch định chính sách toàn cầu

7. Cơ cấu tổ chức của WTO

WTO là một tổ chức liên chính phủ

- **Hội nghị Bộ tr- ưởng:** Cơ quan cao nhất của WTO, bao gồm đại diện của tất cả các n- ớc thành viên, họp ít nhất 2 năm một lần
- **Đại Hội đồng:**
 - Hoạt động đại diện cho Hội nghị Bộ tr- ưởng.
 - Nhiệm vụ chính là giải quyết tranh chấp th- ơng mại giữa các n- ớc thành viên và rà soát các chính sách th- ơng mại của WTO.
 - Họp nhiều lần trong một năm tại trụ sở chính của WTO ở Geneva

- **Các Hội đồng chuyên ngành:** D- ới ĐHĐ, bao gồm nh- :
 - + Hội đồng Th- ơng mại hàng hoá
 - + Hội đồng Th- ơng mại dịch vụ
 - + Hội đồng về các vấn đề Sở hữu trí tuệ liên quan đến th- ơng mại
- D- ới các Hội đồng trên là một loạt **các Uỷ ban và cơ quan giúp việc khác**, giám sát các vấn đề chuyên môn, và là nơi thảo luận các vấn đề nảy sinh khi thực hiện các Hiệp định của WTO

Ban th□ ký của WTO

- Ban th- ký của WTO đóng tại Geneva, Thụy Sĩ; Đứng đầu là Tổng Giám đốc
- Các hoạt động chính:
 - Hỗ trợ các cơ quan của WTO trong việc **đàm phán và thực hiện** các Hiệp định th- ơng mại
 - Hỗ trợ kỹ thuật cho **các n- ớc đang phát triển và kém phát triển**
 - Thống kê và đ- a ra những phân tích** về tình hình chính sách và triển vọng th- ơng mại thế giới

- Hỗ trợ các quá trình giải quyết tranh chấp và rà soát chính sách th- ơng mại
- Tiếp xúc và hỗ trợ các thành viên mới trong quá trình **đàm phán gia nhập**
- Thông tin, tuyên truyền về WTO

- **Ngôn ngữ làm việc chính của WTO**

- + WTO sử dụng 3 ngôn ngữ chính là: tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha.
- + Các văn kiện và tài liệu đều đ- ợc dịch ra 3 thứ tiếng trên

8. Thành viên của WTO

Hiện nay, WTO có 150 thành viên chính thức và khoảng 30 quan sát viên.

4 nhóm thành viên

- ***Kém phát triển***
- ***Có nền kinh tế chuyển đổi***
- ***Đang phát triển***
- ***Phát triển***